

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/DS-PT

Ngày 20 - 5 - 2022

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Thanh Hùng**

Các Thẩm phán: Bà **Châu Minh Nguyệt**

Bà Nguyễn Lệ Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Minh Thu** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Bà **Huỳnh Thị Hồng Thu** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2021/TLPT-DS ngày 14 tháng 12 năm 2021 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2021/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2022/QĐ-PT ngày 08 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn Ph**, sinh năm 1973 (*có mặt*)

Địa chỉ: ấp B, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1961

Địa chỉ: ấp B, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn B: Ông **Phan Văn S**, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (*có mặt*).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1974 (*có đơn xin vắng mặt*)

2. Bà **Ngô Thị U**, sinh năm 1960

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị U: Ông **Phan Văn S**, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (*có mặt*)

3. Bà **Lưu Thị Ch** (tên gọi khác: **Lưu Thị L**), sinh năm 1954 (*có đơn xin vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: ấp B, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

4. Anh **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1976 (*có đơn xin vắng mặt*)

5. Anh **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1983 (*có đơn xin vắng mặt*)

6. Anh **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1978 (*có đơn xin vắng mặt*)

7. Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1981 (*có mặt*)

8. Chị **Nguyễn Thị Ch**, sinh năm 1986 (*có đơn xin vắng mặt*)

9. Anh **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1986 (*có đơn xin vắng mặt*)

10. Chị **Nguyễn Thúy A**, sinh năm 1988 (*có đơn xin vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: ấp B, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

2. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu

Người đại diện theo pháp luật: ông **Nguyễn Văn Th**, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu (*có đơn xin vắng mặt*).

Địa chỉ: ấp N, thị trấn Ng, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông **Nguyễn Văn B** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Ngô Thị U**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Ph trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông bà nội anh (cụ Nguyễn Văn Tr và cụ Lê Thị L đã chết) để lại cho cha mẹ anh là ông Nguyễn Văn M và bà Lưu Thị Ch, sau đó cha mẹ anh cho lại vợ chồng anh quản lý, sử dụng trên 20 năm. Khi cho đất anh Ph thì không làm giấy tờ nhưng phần đất này cha anh là ông Nguyễn Văn M đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó vợ chồng anh sử dụng để cất nhà ở (phần căn nhà hiện ông B đang có yêu cầu phản tố), phần còn lại anh cất nhà chứa máy suốt lúa (hiện đã tháo bỏ). Đến năm 2019, chú ruột anh Ph là ông Nguyễn Văn B ngang nhiên mang cây lá đến phần đất của anh cất nhà. Do vợ chồng anh đi ghe mua bán tre xa nhà nên khoảng một tháng sau vợ chồng anh Ph về thì mới hay sự việc trên nên phát sinh tranh chấp.

Nay anh Ph khởi kiện yêu cầu ông B phải tháo dỡ nhà trả lại anh phần diện tích đất qua đo đạc thực tế là 106,2m², đất tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Đối với yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn B về việc yêu cầu anh trả lại phần diện tích 105,3m², đất tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu thì anh không đồng ý.

Theo đơn phản tố, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn B, bà Ngô Thị U trình bày: ông B thống nhất với anh Ph về nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ L và cụ

Tr, do sống cùng nhà nên cha mẹ ông (Cụ Tr và cụ L) cho ông toàn bộ phần đất hiện đang tranh chấp. Do anh Ph cưới vợ không có nơi ở nên ông cho mượn để cất nhà cho đến nay, khi cho mượn không làm giấy tờ gì nhưng anh em ruột của ông đều biết. Trước đó, ông có đăng ký, kê khai đối với phần đất tranh chấp nhưng đến nay vẫn chưa nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Ph, đồng thời ông có đơn phản tố yêu cầu anh Ph trả cho ông phần diện tích đất qua đo đạc thực tế là 105,3m².

Trường hợp Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu phản tố của ông thì ông yêu cầu vợ chồng anh Ph tháo dỡ nhà, vật kiến trúc và cây trồng để trả đất lại cho ông và ông không đồng ý nhận giá trị. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ph thì ông tự nguyện tháo dỡ nhà, vật kiến trúc và cây trồng để trả đất lại cho anh Ph.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Đ thống nhất với trình bày của anh Nguyễn Văn Ph và không có yêu cầu gì khác.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị Ch trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là do cha mẹ chồng bà (Cụ L và cụ Tr) tặng cho vợ chồng bà và chồng bà là ông Nguyễn Văn M đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp. Sau đó, vợ chồng bà tặng cho vợ chồng anh Ph đã trên 20 năm, do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vợ chồng bà đã thế chấp vay vốn Ngân hàng nên đến nay vẫn chưa chuyển tên quyền sử dụng đất cho vợ chồng anh Ph. Đến tháng 5/2020, bà đã trả xong nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam và hiện đang quản lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau này, bà cùng các con sẽ làm thủ tục để chuyển tên cho anh Ph đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn K, anh Nguyễn Văn B, anh Nguyễn Văn B, anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Ch, chị Nguyễn Thúy A, anh Nguyễn Văn S cùng thống nhất trình bày:

Tất cả đều thống nhất không yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất tranh chấp và đồng ý làm thủ tục để chuyển quyền cho vợ chồng anh Nguyễn Văn Ph và chị Nguyễn Thị Đ đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất này. Ngoài ra, anh chị không có yêu cầu gì khác.

Theo lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu trình bày: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất đang tranh chấp cho ông Nguyễn Văn M là đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật. Ngoài ra, không có ý kiến trình bày gì khác.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2021/DS-ST ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện H quyết định:

Căn cứ Điều 26 ; điểm a khoản 1 Điều 35 ; điểm a khoản 1 Điều 39 ; Điều 147 ; khoản 1 Điều 228 ; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ; Điều 100 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013 ; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình

năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Ph kiện đòi ông Nguyễn Văn B trả lại phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích 106,2m²

Buộc ông Nguyễn Văn B và bà Ngô Thị U có nghĩa vụ liên đới tháo dỡ một căn nhà của ông Nguyễn Văn B ngang 4,8m, dài 6,4m có kết cấu khung sườn cột gỗ địa phương, cột kê đá tán, mái lá, vách lá, mặt trước đóng ván gỗ địa phương, nền đất ; Một mái che phía trước của ông Nguyễn Văn B gắn liền căn nhà của ông Nguyễn Văn B ngang 4,8m và dài 4,5m có kết cấu mái lợp tôn lạnh, đỡ mái cây gỗ địa phương, kê đá tán, nền đất ; Một đồng hồ điện của ông Nguyễn Văn B để giao trả cho ông Nguyễn Văn Ph và chị Nguyễn Thị Đ phần đất tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (tuyên vị trí tứ cạnh kèm theo).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn B kiện đòi anh Nguyễn Văn Ph trả lại phần đất qua đo đạc thực tế với diện tích 105,3m². Buộc ông Nguyễn Văn B và bà Ngô Thị U có nghĩa vụ liên đới đốn 03 cây Tràm Rừng gốc lớn hơn 10cm để trả đất lại cho anh Nguyễn Văn Ph và chị Nguyễn Thị Đ.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12 tháng 10 năm 2021, bị đơn ông Nguyễn Văn B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị U kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2021/DS-ST ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu và yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng không chấp nhận nội dung khởi kiện của anh Ph và chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông B.

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn B, bà Ngô Thị U, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 46/2021/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Ph khởi kiện yêu cầu ông B trả phần diện tích đất qua đo đạc thực tế có vị trí như sau:

- Hướng Đông giáp đất anh Nguyễn Văn Ph đang quản lý có cạnh dài 12,65m;
- Hướng Tây giáp đất (anh Nguyễn Văn Ph cho rằng đất của ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn B cho rằng đất của ông B) có cạnh dài 15,55m;
- Hướng Nam giáp đường bê tông cạnh dài 8,7m;
- Hướng Bắc giáp đất (anh Nguyễn Văn Ph cho rằng đất của ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn B cho rằng đất của ông B) có cạnh dài 7,2m.

Trên hồ sơ địa chính xã L thành lập năm 1993: Diện tích 106,2m² nằm tại thửa 279, tờ bản đồ số 08 đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn M.

Hiện trạng: Trên đất có các cây trồng và vật kiến trúc như sau:

- Một căn nhà của ông B ngang 4,8m và dài 6,4m có kết cấu khung sườn cột gỗ địa phương, cột kê đá tán, mái lá, vách lá, mặt trước đóng ván gỗ địa phương, nền đất;
- Một mái che phía trước của ông B gắn liền với căn nhà của ông B ngang 4,8m, dài 4,5m có kết cấu mái lợp tôn lạnh, đỡ mái cây gỗ địa phương, kê đá tán và nền đất.
- 01 đồng hồ điện của ông B; 01 cây Xoài đang cho trái và 02 cây Dừa của anh Ph.

Đối với phần diện tích đất ông B yêu cầu anh Ph giao trả có vị trí như sau:

- Hướng Đông giáp đất không tranh chấp của ông B có cạnh dài 15,50m;
- Hướng Tây giáp đất đang tranh chấp giữa anh Ph với ông B có cạnh dài 16,80m;
- Hướng Nam giáp đường bê tông cạnh dài 7,1m;
- Hướng Bắc (ông B cho rằng đất của ông B còn anh Ph cho là đất của anh Ph) có cạnh dài 6,9m.

Theo hồ sơ địa chính xã L thành lập năm 1993:

Diện tích 105,3m² nằm trong thửa số 279, tờ bản đồ số 08 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn M.

Hiện trạng: Trên đất có các cây trồng và vật kiến trúc sau:

- Một căn nhà của anh Nguyễn Văn Ph ngang 7,1m và dài 10,6m có kết cấu khung sườn cột bê tông cốt thép, mái lợp tôn xi măng, đòn tay cây gỗ địa phương, nền lát gạch hoa, phía trước có xây mặt gió gạch 10cm có tô hai mặt.

- Một đồng hồ điện, một cây nước ống nhựa 49 của anh Ph và 03 cây Tràm rừng gốc lớn của ông B.

[3] Về nguồn gốc phần đất tranh chấp theo yêu cầu khởi kiện của anh Ph và yêu cầu phản tố của ông B: Các bên đương sự đều thống nhất đất tranh chấp là của cụ Nguyễn Văn Tr và cụ Lê Thị L nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Ph và ông B cho rằng đất tranh chấp được cha mẹ tặng cho, xét lời trình bày của các bên thấy rằng: Chứng cứ ông B đưa ra là lời khai của ông Nguyễn Trung D, bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Đ (bút lục 198 – 210) tất cả đều cho rằng do ông B ở chung với cha mẹ (Cụ Tr, cụ L) nên được hưởng toàn bộ phần đất tranh chấp nhưng những người này đều không trực tiếp chứng kiến việc ông B được tặng cho đất tranh chấp mà chỉ nghe nói lại. Ông B cho rằng do anh Ph không có đất nên cho anh Ph mượn đất để cất nhà ở nhưng ông B không cung cấp được chứng cứ thể hiện có cho anh Ph mượn đất và anh Ph cũng không thừa nhận. Đồng thời, ông B cho rằng đất tranh chấp ông có đăng ký kê khai và đứng tên trong sổ mục kê đối với một phần đất tranh chấp, tuy nhiên theo xác định của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H thì do thời điểm thành lập hồ sơ địa chính năm 2009 ông B đứng ra kê khai nên có tên trong sổ mục kê. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở xác định nguồn gốc đất tranh chấp là do cha mẹ tặng cho ông B theo như lời trình bày của ông B.

Theo văn bản xác định của Ủy ban nhân dân huyện H thì phần đất tranh chấp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn M và qua kiểm tra, hồ sơ cấp giấy chứng nhận cho ông M đúng trình tự và thủ tục theo quy định pháp luật. Đồng thời, bà Ch (mẹ anh Ph) cùng các anh chị em anh Ph đều xác định anh Ph được cha mẹ tặng cho phần đất tranh chấp, việc tặng cho không làm giấy tờ nhưng tất cả đều thống nhất giao toàn bộ đất tranh chấp cho anh Ph được quyền quản lý và sử dụng. Từ đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận lời trình bày của anh Ph về nguồn gốc đất tranh chấp anh Ph được tặng cho là phù hợp quy định.

[4] Mặc khác, tại phiên tòa các bên đều thống nhất đất tranh chấp do vợ chồng anh Ph, bà Đậu trực tiếp quản lý, sử dụng cho đến khi phát sinh tranh chấp với ông B đã trên 20 năm. Trong quá trình sử dụng ông B không ngăn cản, việc sử dụng đất ổn định, liên tục và lâu dài. Tại phiên tòa hôm nay các đương sự xác định phần đất tranh chấp do ông Nguyễn Văn M cha của anh Nguyễn Văn Ph sử dụng từ khi cụ Triệu còn sống, những người lớn tuổi cũng xác định ông Triệu quản lý từ trước đến nay.

[5] Từ những phân tích tại mục [3] và mục [4], Hội đồng xét xử có căn cứ xác định đất tranh chấp do cụ Tr, cụ L tặng cho ông M, bà Ch (cha mẹ anh Ph) và anh Ph được cha mẹ giao quản lý, sử dụng hợp pháp theo quy định pháp luật. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Ph và không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông B là đúng quy định. Đối với cây trồng và vật kiến trúc trên đất tranh chấp các bên đều thống nhất đồng ý tự nguyện tháo dỡ, di dời và không yêu cầu bồi thường giá trị trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bên còn lại nên việc Tòa án cấp sơ thẩm

tuyên buộc ông B tháo dỡ nhà và di dời cây trồng để trả lại đất cho anh Ph là phù hợp.

[6] *Tại cấp phúc thẩm, ông B có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xác minh một số nhân chứng biết rõ về nguồn gốc đất tranh chấp và yêu cầu xem xét, thẩm định lại phần đất tranh chấp. Xét thấy, như đã phân tích trên thì có cơ sở xác định rõ nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng đất tranh chấp nên không cần thiết phải xác minh thêm nhân chứng. Đồng thời, tại buổi tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/6/2021 (bút lục 97 – 100) và ngày 30/12/2020 (bút lục 32 – 34) ông B đều có mặt chứng kiến, trong quá trình làm việc tại Tòa án cấp sơ thẩm ông B cũng đồng ý kết quả xem xét, thẩm định trên. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận đơn yêu cầu của ông B về việc tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp và xác minh nhân chứng theo đơn yêu cầu của ông B.*

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị U, **có cơ sở chấp nhận** đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2021/DS-ST ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Các phần khác của Bản án không có kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn B và bà Ngô Thị U có đơn xin miễn án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi nên ông B, bà Út được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm và phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 26 ; điểm a khoản 1 Điều 35 ; điểm a khoản 1 Điều 39 ; Điều 147 ; khoản 1 Điều 228 ; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ; Điều 100 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013 ; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị U. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2021/DS-ST ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Ph kiện đòi ông Nguyễn Văn B trả lại phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích 106,2m².

Buộc ông Nguyễn Văn B và bà Ngô Thị U có nghĩa vụ liên đới tháo dỡ một căn nhà của ông Nguyễn Văn B ngang 4,8m, dài 6,4m có kết cấu khung

sườn cột gỗ địa phương, cột kê đá tán, mái lá, vách lá, mặt trước đóng ván gỗ địa phương, nền đất ; Một mái che phía trước của ông Nguyễn Văn B gắn liền căn nhà của ông Nguyễn Văn B ngang 4,8m và dài 4,5m có kết cấu mái lợp tôn lạnh, đỡ mái cây gỗ địa phương, kê đá tán, nền đất ; Một đồng hồ điện của ông Nguyễn Văn B để giao trả cho anh Nguyễn Văn Ph và chị Nguyễn Thị Đ phần đất tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu qua đo đạc thực tế diện tích 106,2m² có vị trí và kích thước như sau:

- Hướng Đông giáp đất anh Nguyễn Văn Ph đang quản lý có cạnh dài 12,65m;

- Hướng Tây giáp đất (anh Nguyễn Văn Ph cho rằng đất của ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn B cho rằng đất của ông B) có cạnh dài 15,55m;

- Hướng Nam giáp đường bê tông cạnh dài 8,7m;

- Hướng Bắc giáp đất (anh Nguyễn Văn Ph cho rằng đất của ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn B cho rằng đất của ông B) có cạnh dài 7,2m.

Trên hồ sơ địa chính xã L thành lập năm 1993: Diện tích 106,2m² nằm tại thửa 279, tờ bản đồ số 08 đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn M.

Trên hồ sơ địa chính xã L thành lập năm 2009 thể hiện: diện tích 42,4m² nằm một phần tại thửa số 02, tờ bản đồ số 26 do ông Nguyễn Văn B đứng tên sổ mục kê và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào. Diện tích 63,8m² nằm một phần trong thửa số 35, tờ bản đồ số 26 do ông Nguyễn Văn M đứng tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn B kiện đòi anh Nguyễn Văn Ph trả lại phần đất qua đo đạc thực tế với diện tích 105,3m². Buộc ông Nguyễn Văn B và bà Ngô Thị U có nghĩa vụ liên đới đôn 03 cây Tràm Rừng gốc lớn hơn 10cm để trả đất lại cho anh Nguyễn Văn Ph và chị Nguyễn Thị Đ.

3. Về chi phí tố tụng : Buộc ông Nguyễn Văn B và bà Ngô Thị U có nghĩa vụ liên đới nộp 1.800.000 đồng để trả lại cho anh Nguyễn Văn Ph trong giai đoạn thi hành án.

5. Về án phí :

5.1. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch : Anh Nguyễn Văn Ph không phải chịu. Anh Ph đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0002843 ngày 09/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H được hoàn lại. Ông Nguyễn Văn B và bà Ngô Thị U phải chịu 300.000 đồng, do ông B, bà U có đơn xin miễn án phí nên số tiền dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005821 ngày 21/5/2021 được hoàn lại toàn bộ.

5.2. Về án phí dân sự phúc thẩm : Ông Nguyễn Văn B và bà Ngô Thị U được miễn toàn bộ do thuộc trường hợp người cao tuổi.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Hùng